

BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 TIẾT)

(Đọc và Thực hành tiếng Việt: 8 tiết; Viết: 3 tiết; Nói và nghe: 1 tiết)

BÀI 6 BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 tiết)**A. MỤC TIÊU**

Sau khi học xong bài 6 *Bài học cuộc sống*, HS có thể:

I. Về năng lực**1. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

-Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

-Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.

-Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.

-Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.

-Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

2. Năng lực chung (năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo)

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp; thực hiện được các nhiệm vụ học tập theo nhóm.

- Biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

II. Về phẩm chất

Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm

-B. PHƯƠNG PHÁP, PHƯƠNG TIỆN VÀ CHUẨN BỊ CỦA HỌC SINH

Nội dung dạy học	Phương pháp, phương tiện	Chuẩn bị trước giờ học của HS
Đọc hiểu Văn bản 1: <i>Đẽo cày giữa đường</i> (2 tiết)	- Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... - Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập.	- Đọc trước phần <i>Tri thức Ngữ văn</i> trong SGK (tr. 10). - Thực hiện phiếu học tập số 1, 2.
VB 2: <i>Ếch ngồi đáy giếng</i> (1t)	- Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... - Phương tiện: SGK,	- Thực hiện phiếu học tập số

	máy tính, máy chiếu, phiếu học tập	
Văn bản 3 : <i>Con mối và con kiến</i> (1 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu, phiếu học tập. 	Thực hiện phiếu học tập.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. 	Đọc trước <i>Thành ngữ</i>
Văn bản 4 : <i>Một số câu tục ngữ Việt Nam</i> (1 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập. 	Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao.
Thực hành tiếng Việt (1 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp: phân tích ngôn ngữ, làm việc nhóm, thuyết trình,... – Phương tiện: SGK, máy tính, máy chiếu. 	Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao
VB 5: Con hổ có nghĩa (1tiết)	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp: đọc sáng tạo, gợi mở, tái tạo, làm việc nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập. 	Thực hiện các nhiệm vụ đọc hiểu được giao.
Viết: Viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời	– Phương pháp: dạy học theo mẫu, thực hành viết theo tiến trình, gợi mở, làm việc	Đọc yêu cầu đối với VB nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống

sống(3 tiết)	nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu học tập.	
Nói và nghe: Kể lại 1 truyện ngụ ngôn	– Phương pháp: làm việc cá nhân và làm việc theo nhóm,... – Phương tiện: SGK, phiếu đánh giá theo tiêu chí.	Chuẩn bị nội dung nói, tập luyện trước khi nói (SGK, tr. 30 – 31).

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU BÀI HỌC

1. Mục tiêu

– HS nhận biết được chủ đề và thể loại chính được học trong bài.

2. Nội dung: HS đọc SGK, làm việc nhóm để hoàn thành các câu hỏi, từ đó hiểu được

nội dung khái quát của bài học và các tri thức công cụ.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, kết quả sản phẩm của nhóm.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của gv và học sinh	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>1. Tìm hiểu <i>Giới thiệu bài học</i> Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS đọc phần <i>Giới thiệu bài học</i>, nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học trong bài. Thực hiện nhiệm vụ: HS dựa vào kết quả chuẩn bị bài ở nhà và đọc lại phần <i>Giới thiệu bài học</i> ở lớp để nêu chủ đề của bài và thể loại chính được học. Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ kết quả trước lớp. Kết luận, nhận định: GV đánh giá, nhận xét chung, nhấn mạnh chủ đề và thể loại chính trong bài học.</p> <p>2. Khám phá <i>Tri thức ngữ văn</i>⁽¹⁾ Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi về nhiệm vụ 1 trong phiếu học tập số 1. GV yêu cầu HS vận dụng “tri thức ngữ văn” đã tìm hiểu khi chuẩn bị bài và nêu hiểu biết của em về truyện ngụ ngôn, một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn, tục ngữ, thành ngữ, biện pháp nói quá</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>Chủ đề: Bài học cuộc sống Thể loại: truyện ngụ ngôn</p> <p>Tri thức ngữ văn – HS chia sẻ các chi tiết tùy theo lựa chọn cá nhân.</p>

- HS vận dụng kiến thức đã được học để trả lời câu hỏi và trao đổi câu trả lời trong nhóm.
- GV định hướng, gợi ý thêm để HS có câu trả lời phù hợp.

(
Báo cáo, thảo luận:

GV tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp, đại diện khoảng 3 nhóm trình bày ngắn gọn. Nên tạo cơ hội cho các nhóm có học lực khác nhau tham gia. Các nhóm khác nhận xét.

Kết luận, nhận định:

GV nhấn mạnh lại các khái niệm truyện ngụ ngôn, đặc điểm của truyện ngụ ngôn và lưu ý HS về vai trò của “tri thức ngữ văn” trong quá trình đọc VB.

II. ĐỌC VĂN BẢN 1: ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG (Truyện ngụ ngôn)

Hoạt động 1. Khởi động

1. Mục tiêu: giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi

gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm trong cuộc sống của các em với nội dung VB.

2. Nội dung: HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>Giao nhiệm vụ:</p> <p>Gọi HS xung phong kể một câu chuyện ngắn hoặc sự việc để lại bài học sâu sắc về cuộc sống, yêu cầu HS nói rõ bài học đã rút ra được; có thể mời HS khác rút ra bài học cho bản thân từ câu chuyện bạn kể.</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS hoạt động cá nhân. 	<p>Câu trả lời của mỗi cá nhân HS (tùy theo hiểu biết và trải nghiệm của bản thân).</p>
<p>-</p> <p>Báo cáo, thảo luận:</p> <p>Gọi 1 -2 hs trình bày.</p> <p>Kết luận, nhận định:</p> <p>GV nhận xét, bổ sung theo định hướng kết nối với VB.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV khơi gợi vấn đề để nêu nhiệm vụ cho bài học mới. 	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

1. Mục tiêu

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Hiểu được bài học rút ra từ câu chuyện Đẽo cày giữa đường

2. Nội dung: HS đọc VB, vận dụng “tri thức ngữ văn”, làm việc cá nhân và làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

3. Sản phẩm: câu trả lời của HS, sản phẩm của nhóm, kết quả trong phiếu học tập.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt								
<div>1. Hướng dẫn HS tìm hiểu chung</div> <div>Gv giao nhiệm vụ</div> <div><div>- Hướng dẫn HS đọc văn bản</div><div>-Gọi 1hs đọc hết vb</div><div>- Trong quá trình đọc, GV kết hợp đọc mẫu (nhất là những lời thoại của nhân vật), vừa đọc vừa nói rõ yêu cầu của việc đọc (giọng đọc, âm lượng, tốc độ, cách biểu cảm,...) để chỉnh sửa kĩ năng đọc cho HS.</div><div>- Trong quá trình đọc, GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc được nêu ở các the bên phải VB, giúp HS chú ý và ghi nhớ, nhưng không làm gián đoạn việc đọc.</div></div> <div>Giao nhiệm vụ:</div> <div><div>- GV yêu cầu HS dựa vào phiếu học tập số 2(đã chuẩn bị ở nhà) và cho biết thể loại, ngôi kể, nhân vật , cốt truyện</div><div>Phiếu học tập số 2</div><table><tr><th>Thể loại</th><th>Ngôi kể</th><th>Nhân vật chính</th><th>Cốt truyện</th></tr><tr><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table><div><div>- GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi: Thực hiện nhiệm vụ:</div><div>- HS trả lời câu hỏi theo PHT.</div></div></div>	Thể loại	Ngôi kể	Nhân vật chính	Cốt truyện					<div>1.Tìm hiểu chung</div> <div>a. Đọc văn bản</div> <div>b. Xác định thể loại</div> <div>-Truyện ngụ ngôn</div> <div>c.Ngôi kể</div> <div>- Ngôi 3</div> <div>d.Nhân vật chính</div> <div>- Người đẽo cày</div> <div>e. Cốt truyện</div> <div>Truyện kể về một người thợ mộc bỏ ra 1 số tiền lớn mua gỗ về để đẽo cày bán . Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý . Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. . Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào , vốn liếng cũng hết sạch.</div>
Thể loại	Ngôi kể	Nhân vật chính	Cốt truyện						

Báo cáo, thảo luận:

- HS trả lời câu hỏi, thảo luận, đọc diễn cảm.
- HS giải thích nghĩa của các từ được chú thích trong SGK, nêu những từ khó mà chưa được chú thích.

Kết luận, nhận định:

GV nhận xét cách đọc của HS và kết luận về thể loại, nhân vật, ngôi kể, cốt truyện.

2. Tìm hiểu chi tiết văn bản**2. Tìm hiểu chi tiết văn bản****a. Tìm hiểu bối cảnh****Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân tìm bối cảnh câu chuyện

Thực hiện nhiệm vụ:

- HS đọc văn bản để tìm câu trả lời
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

Báo cáo, thảo luận:

Hs báo cáo kết quả

Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.

b. Hành động của người thợ mộc**Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân và nhóm.

Thực hiện phiếu học tập số 3

Những lần nghe theo	Lời góp ý-Hành động, thái độ	Kết quả
Lần 1		
Lần 2		
Lần 3		
Nhận xét về người thợ mộc:		

a. Bối cảnh của câu chuyện

Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đục cày.

b. Hành động của người thợ mộc

- Cử chỉ, hành động: nghe và làm theo lời của người khác
 - Kết quả: không bán được cái nào, “vốn liếng đi đời nhà ma”
- Nhận xét về người thợ mộc: không có chính kiến, ai nói gì cũng nghe theo dẫn đến việc đục ra những cái cày không phù hợp, không có ai mua.

Thực hiện nhiệm vụ:

- HS hoàn thành sản phẩm cá nhân, thống nhất kết quả của nhóm, ghi câu trả lời vào phiếu học tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.

Báo cáo, thảo luận:

Đại diện khoảng 3 nhóm trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập số 3 và thảo luận.

Những lần nghe theo	Lời góp ý- Hành động, thái độ	Kết quả
Lần 1	- Phải đẽo cho cao, cho to. → Cho là phải, đẽo cày cao hơn, to hơn	Không bán được cái nào, vốn liếng đi đời nhà ma
Lần 2	- Phải đẽo nhỏ hơn, thấp hơn. → Cho là phải, lại đẽo cày nhỏ hơn, thấp hơn	
Lần 3	- Mau đẽo to gấp đôi, gấp ba. -> Nghe theo ngay, đẽo to gấp đôi, gấp ba	

Nhận xét về người thợ mộc: không có chính kiến, ai nói gì cũng nghe theo dẫn đến việc đẽo ra những cái cày không phù hợp, không có ai mua.

Kết luận, nhận định:

- GV nhận xét, đánh giá; chốt lại kiến thức.

GV nhấn mạnh cho HS phải nắm được trọn vẹn cả ba lần phản ứng trong câu chuyện (hai lần “cho la phải” rồi đẽo cày theo kích cỡ mới, và một lần “liền đẽo ngay” mà không có suy nghĩ, tìm hiểu, cần nhắc). Phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng “dễ nghe người là đại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi “quá muộn rồi, không sao chữa được nữa”.

GV cần hướng dẫn HS chú ý từ ngữ được dùng trong VB để thể hiện mức độ “đại” của người thợ mộc: lần 1 *cho la phải - đẽo*, lần 2 *cho la phải - lại đẽo*, lần 3 *liền đẽo ngay*.

- GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống.

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO KHOA **MÔN NGỮ VĂN 7 73**

c. Bài học rút ra từ câu chuyện Giao nhiệm vụ:

Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ *đẽo cày giữa đường* là gì?

Thực hiện nhiệm vụ:

- HS hoạt động cặp đôi tìm câu trả lời

Báo cáo, thảo luận:

HS chia sẻ kết quả sản phẩm, trao đổi, thảo luận.

Kết luận, nhận định:

Gv chốt lại bài học rút ra và ý nghĩa thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”

GV cũng cần giúp HS phân biệt giữa *biết lắng nghe góp ý* với *dễ nghe người*

c. Bài học rút ra và ý nghĩa thành ngữ “Đẽo cày giữa đường”

Những bài học rút ra từ câu chuyện:

- Con người cần phải có chính kiến và bảo vệ chính kiến của bản thân để đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu.

- Trong cuộc sống luôn có rất nhiều ý kiến trái chiều, chín người mười ý, vì thế chúng ta cần biết lắng nghe và chọn lọc để biết đâu là lời khuyên phù hợp và đâu là lời khuyên không hữu ích, cần phải loại bỏ để tránh những hậu quả đáng tiếc.

Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường chính là để chỉ những người không

là đại (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng) để HS nhận thức đúng đắn về điều này.

3. Tổng kết

- *Nêu nội dung chính và bài học cuộc sống từ vb chìa vôi”.*
- *Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn của truyện?*
- *Truyện đã tác động như thế nào đến suy nghĩ và tình cảm của em?*

GV kết nối với những nội dung chính của bài học, nhấn mạnh thể loại, tính cách nhân vật khi đọc truyện; chốt kiến thức toàn bài.

có chính kiến, mãi chạy theo ý kiến từ người khác mà không biết suy xét đến mục tiêu, kế hoạch của bản thân mình.

3. Tổng kết

- **Nội dung:** Qua câu chuyện về người thợ mộc, chuyện khuyên nhủ con người cần phải có chính kiến và bảo vệ chính kiến của bản thân để đạt được mục tiêu đã đề ra ban đầu, cần biết lắng nghe và chọn lọc để biết đâu là lời khuyên phù hợp và đâu là lời khuyên không hữu ích, cần phải loại bỏ để tránh những hậu quả đáng tiếc.

Nghệ thuật:

Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3. Tình tiết có mức độ tăng dần. Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống

Hoạt động 3. Luyện tập

1. Mục tiêu: củng cố kiến thức, kĩ năng đã học.

2. Nội dung: HS củng cố kiến thức về đọc hiểu VB truyện; thực hành viết đoạn văn ngắn từ một nội dung của truyện.

3. Sản phẩm: đoạn văn của HS.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>1. Luyện tập đọc hiểu</p> <p>Giao nhiệm vụ: Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện em sẽ làm gì trước những lời góp ý của mọi người?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Báo cáo, thảo luận: Khoảng 3 – 4 HS chia sẻ kết quả sản phẩm, góp ý, bổ sung cho sản phẩm của bạn.</p> <p>Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá kết quả sản phẩm,</p> <p>2. Viết kết nối với đọc</p> <p>Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS: <i>Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng thành ngữ Đẽo cày giữa đường</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ: HS có thể chọn cách viết 1 đv nghị luận nội dung khuyên nhủ bạn bè cần có chính kiến, biết lắng nghe, chọn lọc lời góp ý, có dẫn câu</p>	

thành ngữ

Báo cáo, thảo luận:

Một số HS trình bày đoạn văn trước lớp. Các HS khác căn cứ vào các tiêu chí đánh giá để nhận xét về sản phẩm của bạn.

Các tiêu chí có thể như sau:

– Nội dung: khuyên nhủ con người biết giữ chính kiến, biết lắng nghe

– Chính tả và diễn đạt: đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.

– Dung lượng: khoảng 5 – 7 câu.

Kết luận, nhận định:

GV nhận xét, đánh giá; rút kinh nghiệm cho HS.

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết tình huống mới trong học tập và thực tiễn.

2. Nội dung: Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện *Đeo cà vạt giữa đường* và kể lại ngắn gọn sự việc đó.

3. Sản phẩm: Câu chuyện của hs

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm cần đạt
<p>Giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS thực hiện ở nhà: : Liên hệ với một sự việc trong cuộc sống có tình huống tương tự truyện <i>Đeo cà vạt giữa đường</i> và kể lại ngắn gọn sự việc đó</p> <p>HS thực hiện nhiệm vụ ở nhà</p>	<p>– Bài viết của hs.</p>

VĂN BẢN 2: ÉCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

(1 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.

- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.

- Có năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện này với các truyện khác có cùng chủ đề.

b. Năng lực chung

- Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp
- Thực hiện tích cực, chủ động trong các hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm
- Biết phân tích, đánh giá thông tin của văn bản, của bạn, của các tình huống có vấn đề được GV gợi ra trong tiết học.

2. Phẩm chất: Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình đã biết,...

II. CHUẨN BỊ

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu học tập
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài .
- Đọc kĩ văn bản và hoàn thành các phiếu học tập mà GV giao chuẩn bị ở nhà

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1:**

- + Em hãy cho biết ai là tác giả của truyện? Giới thiệu những nét chính về tác giả?
- + Nêu xuất xứ của truyện “*Ếch ngồi đáy giếng*” ?
- + **Truyện “*Ếch ngồi đáy giếng*”** thuộc thể loại truyện gì? Nêu đặc điểm của thể loại truyện đó?
- + **Truyện “*Ếch ngồi đáy giếng*”** thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính là gì?
- + Truyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có gì khác nhân vật trong truyện “*Đẽo cày giữa đường*”.
- + Tóm tắt cuộc trò chuyện của 2 nhân vật đó trong truyện ?

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:**

- + Những điều gì làm cho ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng sục? Vì sao?

* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:

+ *Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa?*

Ếch:Nhận xét.....

Rùa:Nhận xét.....

+ *Sự khác biệt ấy ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của 2 con vật ?*

+ *Vì sao con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối?*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG 5'

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b) Nội dung: GV đặt ra một trò chơi cho 2 đội thi : trong 3p viết tên các truyện ngụ ngôn lên bảng . Đội nào viết được nhiều sẽ thắng. Hs thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV yêu cầu 2 đội chơi, mỗi đội 5 bạn lên viết tên các truyện ngụ ngôn trên bản trong tg 3p. Đội nào viết được nhiều sẽ thắng .</p> <p>HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: HS trưng bày sản phẩm.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét kq</p> <p>+ GV đánh giá kq của các đội</p> <p><i>-> GV dẫn dắt vào bàiẾch ngồi đáy giếng:</i></p> <p><i>Truyện “Ếch ngồi đáy giếng” có gì khác với vb “Đẽo cày giữa đường” về cách kể và mang</i></p>	<p>- HS tham gia đội chơi lần lượt lên bảng viết tên truyện ngụ ngôn đã đọc , đã học</p> <p>- Hs còn lại theo dõi cổ vũ và chấm điểm</p>

*đến bài học gì cho cuộc sống của chúng ta?
Chúng ta cùng đi tìm hiểu vb đó nhé.*

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Đọc văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được những thông tin về tác giả, xuất xứ, thể loại, giải nghĩa từ khó, cốt truyện, nhân vật trong văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chuẩn bị ở nhà, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân với câu hỏi sau:</p> <p>+ Em hãy giới thiệu cách đọc văn bản “<i>Ếch ngồi đáy giếng</i>” ?</p> <p>- GV hướng dẫn cách đọc: : to, rõ ràng. Thể hiện giọng của từng nhân vật:Ếch lúc đầu vui, tự hào, mãn nguyện khi kể về mình; giọng kể của rùa biển đông ôn tồn</p> <p>+ GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó:</p> <p>- HS lắng nghe</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi với :</p> <p>* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1</p> <p>+ Em hãy cho biết ai là tác giả? Giới thiệu những nét chính về tác giả?</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>- <i>Trang Tử (khoảng năm 369 - 286 trước Công Nguyên) là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc.</i></p> <p>2. Văn bản</p> <p>- Xuất xứ: Trích trong thiên “ Thu thủy”(thiên thứ 17) của cuốn sách Trang Tử(cuốn sách còn có tên gọi là Nam Hoa kinh)</p> <p>- Thể loại: Thuộc truyện ngụ ngôn</p> <p>- Kiểu văn bản : tự sự</p> <p>- Nhân vật: Con ếch giếng sục và</p>

<p>giếng” ?</p> <p>+ Truyện “Ếch ngồi đáy giếng” thuộc thể loại truyện gì? Nhắc lại khái niệm?</p> <p>+ Truyện “Ếch ngồi đáy giếng” thuộc kiểu văn bản nào? Phương thức biểu đạt chính là gì?</p> <p>+ Truyện có những nhân vật nào? Những nhân vật đó có gì khác nhân vật trong truyện “Đẽo cày giữa đường”.</p> <p>+ Tóm tắt cuộc trò chuyện của 2 nhân vật đó trong truyện ?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>GV chuyển ý: Vậy qua cuộc trò chuyện của 2 nhân vật chúng ta khám phá được bài học gì trong cuộc sống?</p>	<p>con rùa biển Đông (nhân hóa như con người)</p> <p>- Tóm tắt tình huống truyện:</p> <p>+ Ếch nói với rùa về những cảm nhận của mình khi sống ở trong giếng súp với một niềm vui sướng tự mãn.</p> <p>+ Ếch mời rùa biển đông vào giếng để trải nghiệm nhưng rùa không vào được vì cái đuôi bên phải đã bít cái giếng rồi.</p> <p>+ Rùa rút chân , lùi lại và nói với ếch những điều nó thấy về biển khiến ếch ngạc nhiên, thu mình lại và bối rối.</p>
--	--

II. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Hiểu được nội dung bài học và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi, phiếu học tập số 2, 3.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và phiếu học tập, câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ 1 <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với</p> <p>* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2:</p> <p>+ Những điều gì làm cho ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng súp? Vì sao?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p> <p>GV mở rộng và chuyển ý: Cảm nhận của ếch có đúng không? Vì sao? Nếu đặt trong hoàn cảnh của rùa ếch có còn cảm nhận như vậy không?</p> <ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ 2 <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm với:</p>	<p>1. Những điều khiến ếch cảm thấy sung sướng khi sống trong giếng súp.</p> <p>+ Tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đổ nách và cảm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá:-> sung sướng vì có cuộc sống tự do tự tại.</p> <p>+ Ngó lại phía sau, thấy những con lặn quăng, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi-> sung sướng vì thấy những con vật khác không bằng mình.</p> <p>+ Và lại một mình chiếm một chỗ nước tu, tự do bơi lội trong một cái giếng súp, còn vui gì hơn nữa:-> sung sướng vì tự hào với địa vị “chúa tể” của mình ở trong giếng.</p> <p>+ Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?:-> sung sướng đến mức khoe khoang với rùa về “thế giới trong giếng” của mình.</p> <p>2. Biểu hiện của ếch khi nghe rùa kể về biển</p> <p>- Sự khác nhau về môi trường sống</p>

*** PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:**

+ *Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa?*

+ *Sự khác biệt ấy ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của 2 con vật ?*

+ *Vì sao con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối khi nghe rùa kể về biển?*

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS nghe và trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

? Qua câu chuyện của con ếch em rút ra được bài học gì cho cuộc sống của mình?

- **Nhiệm vụ 3: Gv hd hs hoạt động cá nhân**

của ếch và rùa.

+ *Ếch: sống trong giếng → nhỏ bé, hạn hẹp.*

+ *Rùa: sống ở biển Đông → rộng lớn, mệnh mông.*

- Nhận thức và cảm xúc của 2 con vật

+ **Ếch:** Cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển.

+ **Rùa:** Lùi lại -> biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch. Và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm : “cái vui lớn của biển đông”.

- **Con ếch ngạc nhiên thu mình lại, hoảng hốt và bối rối khi nghe rùa kể về biển vì:**

+ Ngạc nhiên: Sự vĩ đại của biển nằm ngoài hiểu biết của ếch, khiến ếch hoàn toàn bất ngờ.

- Thu mình lại: Niềm vui và niềm tự hào của ếch bị thay thế bởi cảm giác nhỏ bé trước sự vĩ đại của biển.

Hoảng hốt, bối rối: Cảm giác của ếch khi mất niềm tin (bối rối) vào những điều ếch đã tin và tự hào trước đây, choáng ngợp (hoảng hốt) trước những điều mới mẻ, lớn lao, vĩ đại hơn những điều ếch đã từng biết.

3. Bài học cuộc sống

- Cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những điều mình

<p>Nêu nội dung chính của truyện?</p> <p>Chỉ ra những nét nghệ thuật đặc sắc của truyện?</p> <p>Truyện đã có ý nghĩa như nào đối với em và mọi người?</p>	<p>đã biết,...</p> <p>III. Tổng kết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện kể về cuộc trò chuyện của ếch giếng sục và rùa biển đông . từ đó mang đến cho người đọc bài học quý giá về sự khiêm tốn, ý thức chăm chỉ học hỏi ở mọi nơi, mọi lúc để mở rộng hiểu biết - Nghệ thuật : nhân hóa sinh động ; tình huống truyện thú vị, ngôn ngữ kể tả hấp dẫn.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs, bài viết của hs.

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS:

+ Khi đọc 1 truyện ngụ ngôn em cần chú ý đến những yếu tố nào?

+ Nêu bài học em nhận được từ câu chuyện trên?

+ Nêu điểm giống nhau về nội dung của truyện “ Đeo cà giữa đường” và truyện “Ếch ngồi đáy giếng”

*** Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ lựa chọn câu trả lời.

*** Báo cáo thảo luận:** hs trả lời

Đeo cà giữa đường	Ếch ngồi đáy giếng
“dễ nghe người là đại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), cần cẩn	cần rèn cho mình đức tính kiên trì (kiên tâm), chịu khó học hỏi, mở rộng hiểu biết, không được tự mãn với những

trọng trước khi làm một việc gì đó...	điều mình đã biết,...
---------------------------------------	-----------------------

*** Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập viết đoạn văn ngắn từ nội dung câu truyện

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

*** GV giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS: **Viết đoạn văn 5-7 câu có sử dụng thành ngữ “Ếch ngồi đáy giếng”**

*** Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm theo hướng dẫn của GV

- GV hướng dẫn HS: cần viết đúng chủ đề, cảm xúc chân thật

*** Báo cáo thảo luận:**

- HS trình bày bài viết trước lớp

- HS nhận xét bổ sung

*** Kết luận nhận định**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

	của người học		
--	---------------	--	--

V. PHỤ LỤC

(* PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3:)

Con vật	Ếch	Rùa
Môi trường sống	- một cái giếng súp-> Không gian hẹp), vận động trong khoảng không gian hẹp (chỉ từ miệng giếng vào đến trong giếng), tiếp xúc với những con vật nhỏ bé (lăng quăng, cua, nòng nọc), nên chưa hề biết tới sự rộng lớn và bao điều mới lạ khác của thế giới bên ngoài.	- biển đông-> Không gian rộng, sống lâu (nên lớn đến nỗi không vào nổi trong giếng), chứng kiến nhiều điều (rùa đã đi đây đi đó, chí ít là đã băng qua con đường từ biển tới nơi có cái giếng),...
Nhận thức và cảm xúc	Cảm thấy sung sướng với cái “thế giới” nhỏ bé mình đang sống và thực sự choáng ngợp trước cái vĩ đại của biển.	Lùi lại (biểu thị việc không còn quan tâm đến cái thế giới nhỏ bé của ếch) và kể cho ếch biết về niềm sung sướng mà rùa được trải nghiệm (“cái vui lớn của biển đông”).

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:

- HS nắm được đặc điểm của thành ngữ (về cấu trúc và ngữ nghĩa), từ đó nhận diện được thành ngữ trong câu.
- HS hiểu được chức năng của thành ngữ, tác dụng của thành ngữ trong câu, từ đó, phân tích được giá trị biểu đạt của thành ngữ trong những trường hợp cụ thể.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện nghĩa của từ ngữ, thành ngữ trong VB và chỉ ra được trong văn bản.

3. Phẩm chất:

Có ý thức vận dụng kiến thức tiếng việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV trình bày vấn đề

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV đặt câu hỏi: <i>GV cho HS đọc lại định nghĩa về thành ngữ trong mục Tri thức ngữ văn ở SHS, trang 5. Các em hãy nhắc lại những hiểu biết của mình về thành ngữ?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ <i>Gv dẫn dắt:</i> Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.</p>	HS huy động kiến thức đã có và nêu hiểu biết của mình về trạng ngữ (khái niệm, chức năng)

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: củng cố kiến thức đã học và hình thành kiến thức mới

a. Mục tiêu: Nắm được khái niệm, các chức năng của thành ngữ

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV1 :</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và đặt câu trong các trường hợp</p>	<p>I. Trạng ngữ 1. Xét ví dụ</p>

Câu hỏi 1: Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau: (HĐ cá nhân)

a. *Tất cả những cái đó cảm dỗ tôi hơn là quy tắc về phân tử; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.*

(An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet), Buổi học cuối cùng)

b. *Lại có khi tôi cảm thấy mình dừng mãi đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.*

(Trin-ghi-đơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)

Câu trả lời:

a. ba chân bốn cẳng: vội vã tất tưởi.

b. chuyển núi dời sông: việc cực kì vĩ đại, lớn lao

? Qua đây em có nhận xét gì về thành ngữ?

Câu hỏi 2: Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét: (HĐ cá nhân)

HS trình bày phương án thay thế của mình (GV cho HS viết lên bảng). GV hướng dẫn cả lớp nhận xét, trao đổi, so sánh các phương án thay thế để rút ra nhận xét về sự khác biệt giữa câu sử dụng thành ngữ và câu dùng từ ngữ có nghĩa tương đương.

a. *Thành ra có bao nhiêu gổ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng đi đời nhà ma sạch.*

(Đèo cày giữa đường)

b. *Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì **thượng vàng hạ cám**, việc gì cũng phải làm.*

(Vua chích chòe)

Câu trả lời:

a. đi đời nhà ma → mất cả

b. thượng vàng hạ cám → tất cả mọi thứ, từ quý giá đến loại tầm thường, rẻ rúng nhất

Nhận xét: Sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa tương đương thành ngữ khiến câu văn dài, lủng củng hơn. Như vậy, thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

Câu hỏi 3: Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ đèo cày giữa đường ở hai trường hợp sau:

a. *Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đèo cày giữa đường.*

b. *Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đèo cày giữa đường.*

Câu trả lời:

- Việc sử dụng thành ngữ đèo cày giữa đường ở trường hợp (a) chưa hợp lí. Vì đèo cày giữa đường nói đến hành động một cách thiếu chủ kiến, quá bị động bởi ý kiến của

2. Nhận xét

- Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

- Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng

những người xung quanh nên cuối cùng chẳng đạt được kết quả gì trong khi câu thứ nhất ở trường hợp (a) chỉ cho thấy đối tượng giao tiếp được nhiều người góp cho những ý kiến hay mà không nói anh ta có thiếu chủ kiến hay bị động hay không.

- Việc sử dụng thành ngữ đeo cà vạt giữa đường ở trường hợp (b) là hợp lí. Vì người nói đã nhận được người ý kiến của người khác, nhưng còn đang phân vân, chưa đưa ra được chủ kiến của mình.

Câu hỏi 4: Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong số các thành ngữ sau:

Với bài tập này, tất cả HS đều có nhiệm vụ đặt câu sử dụng thành ngữ theo yêu cầu. GV có thể gọi một số HS lên bảng viết câu đã đặt, cho HS trong lớp đối chiếu với câu của mình để nhận xét, trao đổi. Qua thảo luận của HS, GV chốt lại những câu đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn chỉnh sửa những câu chưa đạt. Có hai tiêu chí đánh giá: sự hợp lí của cách dùng thành ngữ và việc đảm bảo quy tắc ngữ pháp của câu.

a. Học một biết mười

b. Học hay, cà vạt

c. Mở mày mở mặt

d. Mở cò trong bụng

Câu trả lời:

a. Bạn ấy đúng là học một biết mười.

b. Học tập phải gắn liền với thực tiễn, như thế mới có thể học hay, cà vạt.

c. Anh ấy mới giành được học bổng toàn phần ở Mỹ, làm cho cả nhà được mở mày mở mặt.

d. Khi nghe cô giáo đọc đáp án bài thi, An như mở cò trong bụng.

Bước 2: HS trao đổi, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thực hiện nhiệm vụ

+ Dự kiến sản phẩm: HS rút ra khái niệm thành ngữ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

- GV củng cố kiến thức:

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>NV1: Bài tập 1: Bài 1: Tìm và giải thích nghĩa của các thành ngữ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết bao bướm lả ong lơi Cuộc vui suốt tháng, trận cười suốt đêm. - Thân em vừa trắng lại vừa tròn Bảy nổi ba chìm với nước non. <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở. - GV hướng dẫn HS: chỉ ra trạng ngữ trong câu và chỉ ra chức năng của nó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng <p>NV2</p> <p>Bài 2: Hãy sưu tầm các thành ngữ khác mà em biết</p> <p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS: làm bài tập 2, <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng 	<p>Bài tập 1/</p> <p>Gợi ý trả lời</p> <p>Thành ngữ bướm lả ong lơi: chỉ những người cợt nhả gọi tình một cách lả lơi qua lời nói, cử chỉ (thể hiện quan hệ nam nữ).</p> <p>Thành ngữ bảy nổi ba chìm có nghĩa chỉ cuộc đời con người gian nan, lận đận, lênh đênh, gian truân, lúc sướng khổ.</p> <p>Bài 2/ trang 57</p> <p>Gợi ý trả lời</p> <p>Ao sâu cá cả</p> <p>Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra</p> <p>Biết đâu ma ăn cỗ</p> <p>Bụt chùa nhà không thiêng</p> <p>Góp gió thành bão</p> <p>Trúng khôn hơn vịt</p> <p>Lưỡi sắc hơn gươm</p> <p>Thùng rỗng kêu to</p> <p>Trăm nghe không bằng mắt thấy</p>

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

NV3: Viết một đoạn văn ngắn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng ít nhất 1 thành ngữ?

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS làm bài tập 3
- GV hướng dẫn HS
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

+ HS viết đv

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng
GV chuẩn kiến thức:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức hỏi – đáp - Tổ chức trò chơi 	<ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học 	<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo thực hiện công việc. - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận 	

B. VIẾT

TIẾT VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN THÀNH)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. PHÂN TÍCH YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- HS chọn được vấn đề đời sống có những quan niệm khác nhau, thể hiện rõ ràng, dứt khoát ý kiến tán thành của bản thân trước một quan niệm rất đáng được bàn luận.

- Ý kiến tán thành phải được trình bày thành một bài văn nghị luận hoàn chỉnh; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng phải có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

Những lưu ý về yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

- Vấn đề được nêu ra để bàn luận phải có ý nghĩa đối với cuộc sống, việc thể hiện ý kiến tán thành (bằng bài văn nghị luận) là cần thiết, không chỉ đối với nhận thức của cá nhân mà còn nhằm tác động tích cực đến mọi người.

- Bài văn trình bày ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống trước hết thể hiện chủ kiến của bản thân người viết, nhưng chủ kiến đó phải hướng tới những tiêu chuẩn chung về lẽ phải, sự thật, ý nghĩa đích thực của vấn đề, tránh thiên kiến cá nhân và tránh chủ quan.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Bài trình bày của HS.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

GIỚI THIỆU KIỂU BÀI	
<p>a) Mục tiêu:</p> <p>Biết được kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống(trình bày ý kiến tán thành)</p> <p>b)Nội dung:</p> <p>- HS trả lời câu hỏi của GV</p> <p>c) Sản phẩm học tập: Câu trả lời của hs.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>GV hỏi:</p> <p>? Nhắc lại khái niệm kiểu bài nghị luận đã học ở lớp 6?</p> <p>? Nêu các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận?</p> <p>? Trong cuộc sống, có những hiện tượng (vấn đề) nào mà em quan tâm?</p>	<p>- Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề</p> <p>- Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận: lí lẽ, bằng chứng.</p>

B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**HS:**

- Ôn lại kiến thức về văn bản nghị luận đã học ở lớp 6.
- Suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận (GV và HS)

- GV gọi HS trả lời câu hỏi
- HS trả lời

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV nhận xét câu trả lời của HS

GV chuyển vào vấn đề: Các vấn đề trong đời sống luôn đa dạng, phức tạp và thường được đánh giá khác nhau, tùy cách nhìn nhận của mỗi người. Sự trung thực của con người thể hiện ở thái độ biết tán thành những ý kiến đúng, phản đối những ý kiến sai trái. Phần Viết của bài học này yêu cầu em bàn luận về một vấn đề trong đời sống, theo hướng trình bày ý kiến tán thành. Sự tán thành dĩ nhiên phải được đặt trên cơ sở những nguyên tắc ứng xử và nền tảng đạo lý thích hợp, cũng như sức thuyết phục của ý kiến tùy thuộc vào những lí lẽ và bằng chứng được sử dụng.

HD 2: Hình thành kiến thức mới

**TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN
VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG(TRÌNH BÀY Ý KIẾN TÁN
THÀNH)**

a) **Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống(trình bày ý kiến tán thành):

- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ

b) Nội dung:

- GV chia cặp, giao nhiệm vụ.
- Cho HS làm việc theo cặp.

c) **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia cặp và giao nhiệm vụ: GV có thể nêu một số câu hỏi, giải đáp những câu	

hỏi đó sẽ làm rõ các yêu cầu cơ bản của bài văn nghị luận thể hiện ý kiến tán thành về một vấn đề đời sống:

- *Vấn đề nào trong đời sống được nêu để bàn luận?*

- *Quan niệm nào của người khác về vấn đề đời sống rất đáng được bàn luận?*

- *Ý kiến riêng của người viết về quan niệm nêu trên là gì?*

- *Những lí lẽ và bằng chứng nào được đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là có cơ sở?*

B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)

- HS suy nghĩ.

- Làm việc theo cặp 3' để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu.

B3: Báo cáo, thảo luận (GV và HS)

- GV yêu cầu đại diện HS lên trình bày sản phẩm.

- HS:

+ Trình bày sản phẩm nhóm.

+ Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.

- Kết nối với đề mục sau

- Vấn đề đời sống được nêu để bàn luận phải rõ ràng, xác đáng.

- Nêu được một quan niệm về vấn đề để bàn luận.

- Bài viết phải thể hiện sự tán thành của người viết về quan niệm đã nêu.

- Sự tán thành phải được thể hiện bằng những lí lẽ và bằng chứng cụ thể, có sức thuyết phục.

ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO

a) Mục tiêu:

- Nắm được bài viết tham khảo “Trường học đầu tiên”

- Tán thành với ý kiến: Gia đình cũng là một trường học.

- Mục đích của việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận.

b) Nội dung:

- HS đọc SGK, làm việc cặp đôi.

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

c) Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) GV mời HS đọc bài viết tham khảo -GV phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ.</p> <p><i>1, Vấn đề nào của đời sống được bàn trong bài nghị luận?</i></p> <p><i>2, Ý kiến nào của người khác thu hút sự chú ý?</i></p> <p><i>3, Người viết thể hiện thái độ tán thành hay phản đối ý kiến?</i></p> <p><i>4, Lí lẽ nào được người viết sử dụng để khẳng định sự đúng đắn của ý kiến ?</i></p> <p><i>5, Bằng chứng nào được nêu lên để củng cố cho lí lẽ?</i></p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS) HS: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi - Làm việc cá nhân 1', trao đổi với nhóm 2', hoàn thành phiếu học tập 2' GV:</p>	<p>Bài viết tham khảo: <i>Trường học đầu tiên</i></p> <p>- Bài viết nêu vấn đề: Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi con người.</p> <p>- Ý kiến của bạn Hồng Minh thu hút sự chú ý: Gia đình cũng là một trường học.</p> <p>- Người viết tán thành với ý kiến đó. <i>(Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.)</i></p> <p>- Lí lẽ: Ông bà, cha mẹ không chỉ nuôi dưỡng, mà còn dạy bảo những điều hay lẽ phải cho ta từ thuở ấu thơ; tình cảm thiêng liêng cao đẹp, sự đối xử của các thành viên trong gia đình với nhau là những bài học thấm vào ta một cách tự nhiên.</p> <p>- Bằng chứng củng cố cho lí lẽ: Người viết nhớ lại một kỉ niệm: gơ 4 ngón tay lên để trả lời cho câu hỏi của người lớn, khiến mẹ phải nhắc nhở. Điều này thành bài học đáng nhớ về thái độ trong giao tiếp.</p>

uigeli.xyz

Trang 29

Phiếu chỉnh sửa bài viết

Nội dung rà soát	Hướng dẫn chỉnh sửa
Ý kiến về vấn đề đời sống đã nêu rõ ràng chưa?	Nếu ý kiến chưa nêu rõ ràng trong phần mở bài thì phải bổ sung.
Đã khẳng định được sự tán thành ý kiến chưa?	Nếu sự tán thành ý kiến thể hiện chưa rõ thì phải chỉnh sửa về cách diễn đạt.
Việc tán thành ý kiến đã có sửa thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu có phù hợp với nội dung nghị luận không?	Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục.
Đã rút ra được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa?	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn mờ nhạt.
Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa?	Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

C. NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**1. Về kiến thức:**

Kể lại truyện thuyết một cách đầy đủ, chính xác

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Biết cách nói và nghe phù hợp tường thuật theo lối kể chuyện thông thường.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt	Đạt	Tốt

	(Dưới 5 điểm)	(Từ 5-7 điểm)	(Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết.	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS xác định được mục đích nói và người nghe - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói <p>b) Nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS. - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p>	
HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>? Mục đích nói của bài nói là gì?</p> <p>? Những người nghe là ai?</p> <p>? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình?</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi của GV. <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <p>GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.</p>	<p>1. Chuẩn bị nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể. <p>2. Tập luyện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập nói một mình. - Luyện nói theo nhóm cặp.

	- Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ...
--	--

TRÌNH BÀY NÓI	
<p>a) Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luyện kỹ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kỹ năng nói trước đám đông. <p>b) Nội dung: GV yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HĐ nói của bạn. <p>c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS</p> <p>d) Tổ chức thực hiện</p>	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói <p>B4: Kết luận, nhận định (GV)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. 	<ul style="list-style-type: none"> - HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: <ul style="list-style-type: none"> + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết). + Nội dung nói đảm bảo các sự việc chính theo trình tự nhất định, có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm. + Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

Tổ chức thực hiện

HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
<p>B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)</p> <p>- Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.</p> <p>- Yêu cầu HS đánh giá</p> <p>B2: Thực hiện nhiệm vụ</p> <p>GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.</p> <p>HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.</p> <p>B3: Thảo luận, báo cáo</p> <p>- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.</p> <p>- HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.</p> <p>B4: Kết luận, nhận định</p> <p>- GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau.</p>	<p>- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.</p> <p>- Nhận xét của HS</p>

HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai một trong các nhân vật Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng...kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HD 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Sưu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học. So sánh và nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b) Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập**d) Tổ chức thực hiện****B1: Chuyển giao nhiệm vụ:** Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

Bài tập 2: Viết đoạn văn tưởng tượng cách kết thúc khác của truyền thuyết *Thánh Gióng* và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy và nêu tác dụng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.**Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng****a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b) Nội dung:

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Tìm hiểu, giới thiệu một số tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*?

Bài tập 2: Theo em vì sao hội thi thể thao trong trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khỏe Phù Đổng*?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI 1

Phiếu số

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (Dưới 5đ)	Đạt (Từ 5-7 điểm)	Tốt (Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyện thuyết.	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lắp lại hoặc ngập	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc

		ngừng một vài câu.	truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

Phiếu số

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

